

Số: 88 /TB-CTCN

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 4 năm 2017

THÔNG BÁO

Về việc áp dụng giá nước sạch và phí bảo vệ môi trường năm 2017

Kính gửi: Quý khách hàng

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi thông báo đến Quý khách hàng về việc áp dụng giá nước sạch và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt (phí BVMT) từ ngày 01/04/2017, như sau:

- Căn cứ Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; và Công văn số 1924/UBND-NNTN ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Được áp dụng từ ngày 01/4/2017;

- Căn cứ Quyết định 359/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc Quy định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư của Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi. Được áp dụng từ ngày 01/10/2014;

- Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc Phê duyệt Phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi. Được áp dụng từ ngày 01/10/2014.

Theo đó, đơn giá nước sạch và phí BVMT từ kỳ thu nước tháng 04 năm 2017 sẽ được áp dụng:

Đối tượng sử dụng nước	Đơn giá nước sạch chưa thuế GTGT (đồng/m ³)	Phí BVMT (đồng/m ³)
Đối tượng sinh hoạt		
- 10m ³ đầu tiên (SH1)	4.594	459
- Trên 10m ³ -20m ³ (SH2)	6.563	656
- Trên 20m ³ (SH3)	7.875	788
Đối tượng không sinh hoạt		
- Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	7.875	788
- Sản xuất vật chất	8.531	853
- Kinh doanh dịch vụ	13.126	1.313



[Handwritten signature]

Quý khách hàng có nhu cầu tìm hiểu thêm thông tin có thể truy cập vào website www.capnuocqni.com.vn hoặc trao đổi với nhân viên thu tiền, đọc số hoặc liên hệ với Công ty qua số điện thoại 0553.822.693, 0553.822.187 hoặc Chi nhánh Bình Sơn 0553.850.150, Chi nhánh Mộ Đức 0553.761.587, Chi nhánh Đức Phổ 0553.976.746

Trân trọng.

*** Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các phòng, ban, đội Công ty;
- Lưu HCTC, KTTV, KTTV *ung*.



Đặng Ngọc Anh

Đặng Ngọc Anh

00
0N
0F
0C
0A
0AM
0GA

[Handwritten mark]

PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ ÁP GIÁ NƯỚC SẠCH
CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

I – Căn cứ áp dụng:

1. Đối với giá tiêu thụ nước sạch:

- Quyết định 359/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc Qui định mức giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với hộ dân cư của Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi. Được áp dụng từ ngày 01/10/2014

Định mức sử dụng nước sinh hoạt hộ dân cư (hộ gia đình/tháng)	Ký hiệu	Hệ số	Giá tiêu thụ nước đã có thuế VAT (đồng/m ³)
10m ³ đầu tiên	SH1	0,7	4.824
Trên 10m ³ -20m ³	SH2	1,0	6.891
Trên 20m ³	SH3	1,2	8.269

- Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc Phê duyệt Phương án giá tiêu thụ nước sạch của Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi. Được áp dụng từ ngày 01/10/2014.

Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng/tháng		Hệ số	Giá tiêu thụ nước sạch theo mục đích sử dụng đã có thuế VAT (đồng/m ³)
	Mức	Ký hiệu		
Sinh hoạt các hộ dân cư (hộ /tháng)	10m ³ đầu tiên	SH1	0,7	4.824
	Trên 10m ³ -20m ³	SH2	1,0	6.891
	Trên 20m ³	SH3	1,2	8.269
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng	HCSN	1,2	8.269
Sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	1,3	8.958
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	DV	2,0	13.782

Am

2. Đối với Phí bảo vệ môi trường:

Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Công văn số 1924/UBND-NNTN ngày 07/4/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai áp dụng mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. **Được áp dụng từ ngày 01/4/2017**

Mức thu phí: Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

$$\begin{array}{l} \text{Số phí bảo vệ môi trường} \\ \text{đối với nước thải sinh} \\ \text{hoạt phải nộp (đồng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng nước sạch} \\ \text{sử dụng của người} \\ \text{phải nộp phí (m}^3\text{)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá bán nước sạch} \\ \text{chưa bao gồm thuế giá} \\ \text{trị gia tăng (đồng/m}^3\text{)} \end{array} \times 10\%$$

Trong đó:

+ **Số lượng nước sạch sử dụng** được xác định theo đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ của người nộp phí. (Trường hợp người nộp phí chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước sạch tiêu thụ thì áp dụng theo định mức khoán lượng nước sạch tiêu thụ đối với từng loại đối tượng sử dụng nước sạch do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định phù hợp với từng loại đối tượng sử dụng)

*** Áp dụng đối với Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi là:**

Mục đích sử dụng		Phí bảo vệ môi trường (10%)
Sinh hoạt các hộ dân cư (hộ /tháng)	10m ³ đầu tiên (SH1)	459
	Trên 10m ³ -20m ³ (SH2)	656
	Trên 20m ³ (SH3)	788
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng (HCSN)	788
Sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng (SX)	853
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng (DV)	1.313

028
TY
AN
UOC
NG
AI
UAMBY

Amo

3. Áp dụng vào tính và lên hóa đơn tiền nước cho khách hàng

Mục đích sử dụng		Đơn giá chưa thuế VAT	Phí bảo vệ môi trường (10%)	Thuế VAT (5%)	Giá tiêu thụ nước sạch đã có thuế VAT (đồng/m ³)	Giá nước tính thu khách hàng (đồng/m ³)
Sinh hoạt các hộ dân cư (hộ /tháng)	10m ³ đầu tiên (SH1)	4.594	459	230	4.824	5.283
	Trên 10m ³ -20m ³ (SH2)	6.563	656	328	6.891	7.547
	Trên 20m ³ (SH3)	7.875	788	394	8.269	9.057
Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Theo thực tế sử dụng (HCSN)	7.875	788	394	8.269	9.057
Sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng (SX)	8.531	853	427	8.958	9.811
Kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng (DV)	13.126	1.313	656	13.782	15.095

Ví dụ: Ví dụ Tính tiền cho khách hàng sử dụng 25m³ ở 3 mức (SH1,SH2,SH3)

Mức	m ³ tiêu thụ	Giá chưa VAT	Phí BVMT	Thuế VAT	Tổng
SH1	10m ³	45.940 đ	4.594 đ	2.300 đ	52.834 đ
SH2	10m ³	65.630 đ	6.563 đ	3.280 đ	75.473 đ
SH3	5m ³	39.375 đ	3.938 đ	1.970 đ	45.283 đ
Cộng		150.945 đ	15.095 đ	7.550 đ	173.590 đ

- Cộng tiền nước : 150.945 đ
- Tiền thuế : 7.550 đ
- Phí BVMT : 15.095 đ
- **Tổng cộng tiền nước phải thanh toán: 173.590 đ**

(Một trăm bảy mươi ba ngàn, năm trăm chín mươi đồng)

ban